

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **600/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/11/2020.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Khắc Chung.

2. Ông Đoàn Văn Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 381/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 về “*tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 302/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 239/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: ấp Bình Trung, xã M, huyện P, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: ấp Bình Trung, xã M, huyện P, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim C trình bày như sau:

Năm 2007, chị và anh Nguyễn Văn H do mai mối rồi được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới, kết hôn với nhau, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M theo giấy chứng nhận kết hôn số 172 cấp ngày 02/8/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã với nhau, anh H không lo làm ăn, không lo cuộc sống gia đình, chỉ ăn chơi, ghen tuông, kiếm chuyện với chị, có lần đánh chị. Đã nhiều lần chị chịu đựng để sống nhưng đến cách nay 03 năm, do không chịu được, chị quyết định sống ly thân với anh H. Nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, không thể hàn gắn được, chị yêu cầu xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Nguyễn Quốc K1, sinh ngày 09/8/2009 và Nguyễn Văn K2, sinh ngày 26/01/2012. Hiện hai con đang sống với

anh H và bà nội. Khi ly hôn, tôi đồng ý để anh H tiếp tục nuôi con, tôi không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn H đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Toà án đã tiến hành xác minh, được biết hiện anh H có đăng ký thường trú tại ấp Bình Trung, xã M, huyện P và đang sống cùng nhà với bà Nguyễn Thị Bé Ba (mẹ ruột của anh H) nhưng hiện anh H đã đi làm thuê ở Bình Dương, không có ở nhà, thỉnh thoảng về thăm gia đình. Về tình trạng hôn nhân của anh H và chị C thì địa phương không nắm rõ, chỉ biết hiện nay chị C và anh H đã không còn sống chung với nhau.

Bà Nguyễn Thị Bé Ba (mẹ ruột anh H) cho biết: Hiện H đang đi làm thuê ở Bình Dương, lâu lâu mới về thăm nhà, H gọi 02 đưa con cho bà giữ dùm, H đi làm và gửi tiền về lo cho con. Về hôn nhân giữa C và H có mâu thuẫn hay không thì bà không rõ, chỉ biết khoảng 02 - 03 năm nay, C và H đã không còn chung sống với nhau, C đã bỏ về nhà mẹ ruột sống từ khi ly thân với H đến nay.

Toà án tiến hành ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của cháu Nguyễn Quốc K1 và cháu Nguyễn Văn K2, hiện hai cháu đang sống với ba và bà nội và nếu ba mẹ ly hôn, hai cháu có nguyện vọng được sống với ba H.

*** Tại phiên tòa:**

- Chị C vẫn giữ yêu cầu ly hôn, để anh H được trực tiếp nuôi hai con chung, không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh H vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá giải quyết vụ án và nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C; Về con chung: căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị giao hai cháu K1 và cháu K2 cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh H không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, trường hợp sau này anh H có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện yêu cầu, giải quyết trong vụ án khác. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Chị Nguyễn Thị Kim C khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*tranh chấp ly hôn, nuôi con*". Anh H có địa chỉ cư trú tại xã M, huyện P, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về hôn nhân*: Chị C và anh H tự nguyện kết hôn nhân vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 172 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh An Giang cấp ngày 02/8/2011 nên xét hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Chị C khởi kiện yêu cầu xin ly hôn vì cho rằng khi còn chung sống anh H không chăm lo làm ăn, chỉ lo chơi, hay nhậu nhẹt, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có hạnh phúc, vợ chồng cũng đã sống ly thân khoảng hai năm đến ba năm nay. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung sống, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, thế nhưng chị C và anh H đã không chung sống với nhau một thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải, tạo điều kiện để anh chị có cơ hội được hàn gắn lại tình cảm với nhau nhưng anh H vẫn vắng mặt và không gửi văn bản ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn của chị C, cho thấy anh H đã tự từ bỏ quyền lợi của mình, không muốn hàn gắn tình cảm với chị C. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa anh chị đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh H là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P.

[2.2] Về con chung:

Chị C và anh H khi còn chung sống có hai con chung tên Nguyễn Quốc K1, sinh ngày 09/8/2009 và Nguyễn Văn K2, sinh ngày 26/01/2012. Hiện hai con đang sống với anh H và bà nội.

Xét thấy, từ khi chị C và anh H ly thân đến nay, hai con chung đều đang sống ổn định với anh H và bà nội, cháu K1 và cháu K2 cũng có nguyện vọng được sống với anh H trong trường hợp anh chị ly hôn. Do đó, để đảm bảo về sự phát triển mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu K1 và cháu K2 cho anh H

được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh H không có ý kiến về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Trường hợp sau khi ly hôn, anh H có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung thì có quyền khởi kiện, yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Căn cứ vào Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, anh H và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị C đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Do chị C khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do chị C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim C.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kim C được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 172 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh An Giang cấp ngày 02/8/2011 cho anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị Kim C không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc K1, sinh ngày 09/8/2009 và Nguyễn Văn K2, sinh ngày 26/01/2012. Hiện hai cháu đang sống với anh H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

Anh H và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị C đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà anh Nhựt đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0003518 ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P nên chị C không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát ND tỉnh AG;
- Viện kiểm sát ND H. P;
- Chi cục THA DS H. P;
- Đường sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Dương Thùy Dung